

## Đà giảm vẫn duy trì

### Thông tin chỉ số VN30

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1,511 điểm. Về hoạt động khối ngoại, hoạt động mua đã quay trở lại và chiếm ưu thế. Giá trị mua ròng ở mức 110 tỷ đồng. Đáng chú ý, hoạt động mua ròng tập trung chủ yếu trên VHM, CTG, và VNM.

### Đồ thị VN30 Future: Vùng nhiễu

VN30F2201 tiếp tục dẫn co trong phiên giao dịch trước, nhưng đà giảm vẫn duy trì. Cụ thể, hợp đồng này đóng cửa dưới các đường MA chủ đạo, đà giảm đang chiếm ưu thế. Vùng 1,450 điểm sẽ là vùng hỗ trợ chủ đạo trong ngắn hạn trong khi vùng 1,580 điểm là vùng kháng cự quan trọng. Vùng 1,530 điểm sẽ là vùng kháng cự quan trọng trong phiên.

### Chiến lược đầu tư

Vị thế bán trên VN30F2201 nên được tiếp tục nắm giữ và dừng lỗ khi xuất hiện giá đóng cửa trên ngưỡng 1,530 điểm (Đồ thị giờ). Tuy nhiên, do tín hiệu bán vẫn chưa hoàn toàn được xác nhận, nên lượng vị thế nên được giới hạn ở mức thấp.

**Bảng 1. Thống kê hợp đồng tương lai**

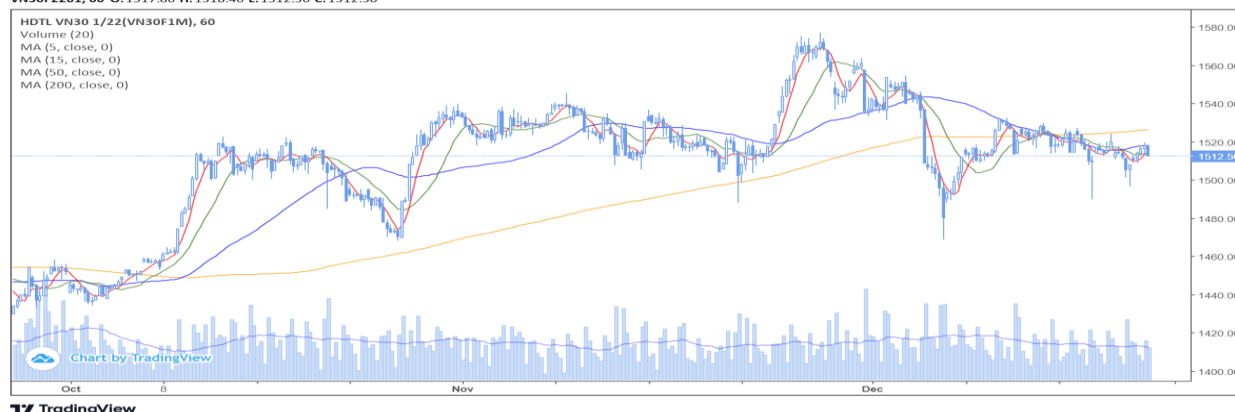
(điểm, %, hợp đồng)

	Giá đóng cửa	+/- %	KL giao dịch	KL Mở	Fair Value	Ngày thanh toán	Thời gian còn lại
<b>VN30 Index</b>	1,511.5	(0.1)					
<b>VN30F2201</b>	1,512.5	0.3	113,617	28,648	1,427	20/01/2022	32
<b>VN30F2202</b>	1,514.5	0.5	120	80	1,428	17/02/2022	60
<b>VN30F2203</b>	1,510.9	0.5	36	209	1,428	17/03/2022	88
<b>VN30F2206</b>	1,511.4	0.5	49	458	1,431	16/06/2022	179

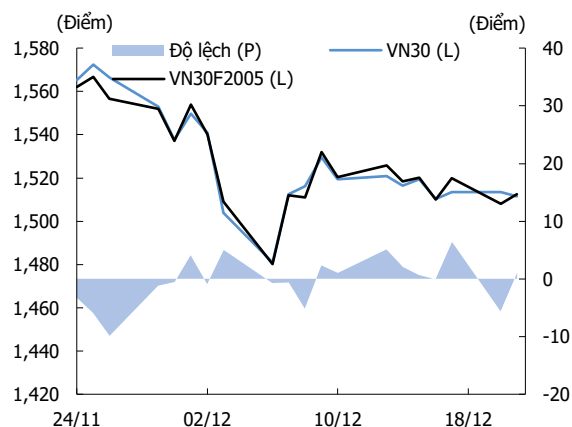
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 1. Đồ thị nến theo giờ - VN30**

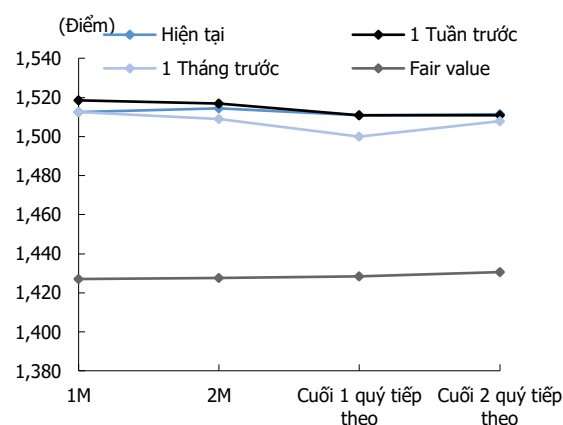
Published on TradingView.com, December 21, 2021 21:59:31 +07  
 VN30F2201, 60 O: 1517.80 H: 1518.40 L: 1512.50 C: 1512.50



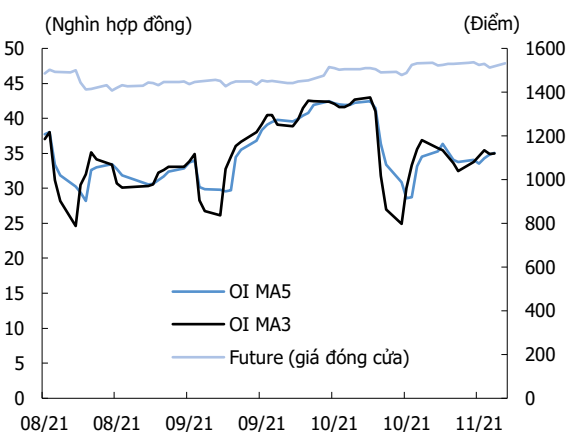
Nguồn: Bloomberg, KIS. Giá được điều chỉnh theo phương pháp Proportional Adjustment

**Hình 2. Basis spread**

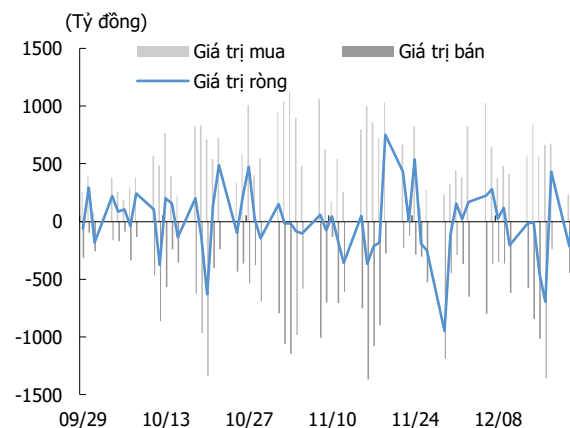
Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 3. Đường cong giá hợp đồng tương lai**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 4. Open interest**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Hình 5. Giao dịch khối ngoại hàng ngày**

Nguồn: Bloomberg, KIS

**Bảng 2. Danh sách cổ phiếu VN30**

(Tỷ đồng, đồng, %, x, nghìn CP)

Mã	Tên	Ngành	Vốn hóa	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	% ngày	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
ACB	Ngân hàng Á Châu	Tài chính	88,624	5.42	32,800	(0.9)	9.1	2.09	4,953	30.0	38,200	19,600
BID	BIDV	Tài chính	176,164	0.51	43,800	(1.8)	17.9	2.13	1,966	16.7	50,600	36,500
BVH	Tập đoàn Bảo Việt	Tài chính	42,312	0.30	57,000	0.7	23.0	1.99	1,476	26.4	71,200	47,000
CTG	VietinBank	Tài chính	153,784	1.66	32,000	(1.4)	9.3	1.62	10,526	25.3	42,535	22,314
FPT	FPT Corp	CNTT	86,391	5.28	95,200	(0.6)	21.4	5.09	1,970	49.0	101,800	49,043
GAS	PV Gas	Dịch vụ tiện ích	179,911	0.65	94,000	(2.8)	21.9	3.66	1,632	2.7	128,400	72,500
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	Nguyên vật liệu	150,800	0.43	37,700	0.3	30.3	3.07	3,893	0.5	43,300	21,600
HDB	HDBank	Tài chính	58,571	2.95	29,400	(0.7)	10.4	2.12	4,850	17.0	33,950	16,160
HPG	Hòa Phát	Nguyên vật liệu	206,202	8.00	46,100	(1.7)	6.5	2.45	25,756	23.9	58,400	27,407
KDH	Nhà Khang Điền	Bất động sản	32,275	1.51	50,200	0.4	27.0	3.30	2,647	32.1	51,100	25,000
MBB	MBBank	Tài chính	105,604	4.18	27,950	0.2	9.5	1.88	11,800	23.2	32,926	15,778
MSN	Tập đoàn Masan	TD thiết yếu	196,677	5.66	166,600	2.8	82.0	9.14	1,190	32.1	166,700	80,000
MWG	Thế giới di động	TD không thiết yếu	94,807	4.43	133,000	0.0	21.7	5.04	1,366	49.0	145,500	76,467
NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	171,822	4.32	116,600	1.1	49.1	5.02	3,121	7.8	123,600	46,056
PDR	BDS Phát Đạt	Bất động sản	47,208	1.34	95,800	0.3	29.6	7.54	4,375	3.3	99,800	35,729
PLX	Petrolimex	Năng lượng	67,341	0.48	53,000	0.0	20.0	2.74	2,034	17.2	62,400	45,500
PNJ	Vàng Phú Nhuận	TD không thiết yếu	21,554	1.24	94,800	0.6	8.1	3.88	620	47.2	112,000	75,000
POW	Điện lực Dầu khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	43,793	0.63	18,700	2.5	15.1	1.45	20,324	2.9	19,500	9,980
SAB	SABECO	TD thiết yếu	95,487	0.76	148,900	(0.1)	25.3	4.50	125	62.6	211,000	139,800
SSI	Chứng khoán SSI	Tài chính	51,573	2.41	52,500	(1.9)	24.2	3.82	16,437	38.6	57,700	16,977
STB	Sacombank	Tài chính	53,163	3.63	28,200	(1.6)	15.1	1.59	16,756	17.5	33,900	15,500
TCB	Techcombank	Tài chính	172,913	8.08	49,250	(0.5)	9.9	1.97	14,602	22.5	58,600	26,900
TPB	Ngân hàng Tiên Phong	Tài chính	61,372	2.65	38,800	(2.5)	11.8	2.48	6,814	29.5	40,000	16,296
VCB	Vietcombank	Tài chính	366,808	2.90	98,900	(0.6)	17.4	3.35	1,003	23.7	117,200	85,500
VHM	Vinhomes	Bất động sản	374,476	6.60	86,000	3.0	10.4	4.27	6,479	23.3	93,769	64,615
VIC	VinGroup	Bất động sản	373,292	7.68	98,100	(0.9)	78.6	3.68	2,843	13.7	129,689	82,222
VJC	Vietjet Air	Công nghiệp	66,347	2.39	122,500	0.3	30.1	3.92	851	16.5	138,500	105,800
VNM	VINAMILK	TD thiết yếu	178,691	5.14	85,500	(0.2)	19.0	5.75	3,159	54.6	117,200	84,000
VPB	VPBank	Tài chính	151,813	7.10	34,150	0.0	12.3	2.44	14,246	15.2	40,722	15,667
VRE	Vincom Retail	Bất động sản	71,351	1.68	31,400	1.1	32.9	2.34	7,078	30.0	38,300	25,100

Nguồn: Bloomberg, KIS

## Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2021 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.